Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7615.20.90

Mã HS	7615.20.90
Mô tả hàng hóa	Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp hoặc các loại đồ gia dụng khác và các bộ phận của chúng, bằng nhôm; miếng dùng để cọ nồi và cọ rửa hoặc đánh bóng, găng tay và các loại tương tự bằng nhôm; đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng nhôm / - Đồ trang bị trong nhà vệ sinh và bộ phận của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 23:52:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/76152090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12282
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12282
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12282
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12282
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,7	3,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,7	3,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.1	17,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11630
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11573
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11573
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11573
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11573
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11573
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11573
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E11625
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11625
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11625
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11625

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11625
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11625
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E11626
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F11626
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11626
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11626
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11626
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11626
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11629
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11579
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11585
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11585
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11585
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11585
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11585
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11585
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11618
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11618
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11618
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11618
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11618
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11618
VCFTA	2022	2022	5	VC!D11663
VCFTA	2023	2023	3	VC!E11663
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11663
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11663

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11663
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11663
VN-EAEU	2022	2022	8,2	EAV!D11648
VN-EAEU	2023	2023	5,5	EAV!E11648
VN-EAEU	2024	2024	2,7	EAV!F11648
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11648
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11648
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11648
AHKFTA	2022	2022	18	AKH!D11648
AHKFTA	2023	2023	12	AKH!E11648
AHKFTA	2024	2024	12	AKH!F11648
AHKFTA	2025	2025	6	AKH!G11648
AHKFTA	2026	2026	6	AKH!H11648
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11648
EVFTA	2022	2022	18,7	EV-NK!D11665
EVFTA	2023	2023	15	EV-NK!E11665
EVFTA	2024	2024	11,2	EV-NK!F11665
EVFTA	2025	2025	7,5	EV-NK!G11665
EVFTA	2026	2026	3,7	EV-NK!H11665
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11665
UKVFTA	2022	2022	18,7	UKV!D11664
UKVFTA	2023	2023	15	UKV!E11664
UKVFTA	2024	2024	11,2	UKV!F11664
UKVFTA	2025	2025	7,5	UKV!G11664
UKVFTA	2026	2026	3,7	UKV!H11664
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11664

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11611
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11611
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11611
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11611
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11611
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11611
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11611
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11648
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11648
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11648
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11648
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11648
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11648
RCEP B	2022	2022	0	B!D11648
RCEP B	2023	2023	0	B!E11648
RCEP B	2024	2024	0	B!F11648
RCEP B	2025	2025	0	B!G11648
RCEP B	2026	2026	0	B!H11648
RCEP B	2027	2027	0	B!I11648
RCEP C	2022	2022	0	C!D11648
RCEP C	2023	2023	0	C!E11648
RCEP C	2024	2024	0	C!F11648
RCEP C	2025	2025	0	C!G11648
RCEP C	2026	2026	0	C!H11648
RCEP C	2027	2027	0	C!I11648
RCEP D	2022	2022	0	D!D11647

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E11647
RCEP D	2024	2024	0	D!F11647
RCEP D	2025	2025	0	D!G11647
RCEP D	2026	2026	0	D!H11647
RCEP D	2027	2027	0	D!I11647
RCEP E	2022	2022	0	E!D11651
RCEP E	2023	2023	0	E!E11651
RCEP E	2024	2024	0	E!F11651
RCEP E	2025	2025	0	E!G11651
RCEP E	2026	2026	0	E!H11651
RCEP E	2027	2027	0	E!I11651
RCEP F	2022	2022	0	F!D11648
RCEP F	2023	2023	0	F!E11648
RCEP F	2024	2024	0	F!F11648
RCEP F	2025	2025	0	F!G11648
RCEP F	2026	2026	0	F!H11648
RCEP F	2027	2027	0	F!I11648
VIFTA	2024	2024	25.7	VI!F10775
VIFTA	2025	2025	21.4	VI!G10775
VIFTA	2026	2026	17.1	VI!H10775
VIFTA	2027	2027	12.9	VI!I10775

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7615.20 có 2 dòng thuế; dòng 7615.20.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7615.20.20 Bô để giường bệnh, bô đi tiểu hoặc bô để phòng ngủ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Nhôm > Kim loại quý. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7615.20.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 7615.20.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12282), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.